

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM

PRICE LIST

Áp dụng cho đại lý/ Applied for Agents

(Hiệu lực từ ngày 01/09/2017/ Effectively from 01/09/2017)

01/09/2017



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
ISO 14001:2004

CÁP ĐIỀU KHIỂN/ CONTROL CABLE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
1	Bare conductor x1.5 mm ²	m	5,076	5,584
2	Bare conductor x2.5 mm ²	m	6,947	7,642
3	Bare conductor x4 mm ²	m	9,992	10,991
4	Bare conductor x6 mm ²	m	14,002	15,402
5	Bare conductor x10 mm ²	m	22,339	24,573
6	Bare conductor x16 mm ²	m	34,121	37,533
7	Bare conductor x25 mm ²	m	52,850	58,135
8	Bare conductor x35 mm ²	m	72,510	79,761
9	Bare conductor x50 mm ²	m	95,367	104,904
10	Bare conductor x70 mm ²	m	137,126	150,839
11	Bare conductor x95 mm ²	m	190,476	209,524
12	Bare conductor x120 mm ²	m	239,510	263,461
13	Bare conductor x150 mm ²	m	295,585	325,144
14	Bare conductor x185 mm ²	m	368,321	405,153
15	Bare conductor x240 mm ²	m	482,719	530,991
16	Bare conductor x300 mm ²	m	607,727	668,500
17	Bare conductor x400 mm ²	m	775,954	853,549
18	Bare conductor x500 mm ²	m	998,584	1,098,442
19	Bare conductor x630 mm ²	m	1,286,335	1,414,969

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
ISO 14001:2004

BẢNG GIÁ CÁP BỌC PVC/ CV TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
1	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx1.5 mm ²	m	3,570	3,927
2	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx2.5 mm ²	m	5,504	6,054
3	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx4 mm ²	m	8,791	9,670
4	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx6 mm ²	m	12,917	14,209
5	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx10 mm ²	m	23,894	26,283
6	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx16 mm ²	m	35,930	39,523
7	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx25 mm ²	m	55,306	60,837
8	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx35 mm ²	m	75,323	82,855
9	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx50 mm ²	m	98,884	108,772
10	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx70 mm ²	m	141,147	155,262
11	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx95 mm ²	m	196,418	216,060
12	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx120 mm ²	m	246,405	271,046
13	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx150 mm ²	m	303,032	333,335
14	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx185 mm ²	m	377,918	415,710
15	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx240 mm ²	m	494,710	544,181
16	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx300 mm ²	m	622,839	685,123
17	0.6/1kV Cu/PVC 1Cx400 mm ²	m	794,799	874,279

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
ISO 14001:2004

CÁP BỌC 2 LỚP PVC/ CVV TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 1 lõi/ 1 Core				
1	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx1.5 mm2	m	6,946	7,641
2	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx2.5 mm2	m	8,972	9,869
3	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx4 mm2	m	12,478	13,726
4	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx6 mm2	m	16,750	18,425
5	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx10 mm2	m	26,058	28,664
6	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx16 mm2	m	38,340	42,174
7	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx25 mm2	m	58,264	64,090
8	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx35 mm2	m	78,770	86,647
9	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx50 mm2	m	102,995	113,295
10	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx70 mm2	m	145,471	160,018
11	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx95 mm2	m	201,459	221,605
12	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx120 mm2	m	252,745	278,020
13	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx150 mm2	m	311,133	342,246
14	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx185 mm2	m	386,917	425,609
15	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx240 mm2	m	506,185	556,804
16	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx300 mm2	m	634,761	698,237
17	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 1Cx400 mm2	m	808,850	889,735

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/Tel.: +84.8.3518 07 p



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP BỌC 2 LỚP PVC/ CVV TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 2 lõi/ 2 Core				
1	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx1.5 mm2	m	12,885	14,174
2	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx2.5 mm2	m	17,134	18,847
3	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx4 mm2	m	24,808	27,289
4	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx6 mm2	m	34,082	37,490
5	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx10 mm2	m	53,226	58,549
6	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx16 mm2	m	78,525	86,378
7	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx25 mm2	m	121,027	133,130
8	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx35 mm2	m	164,302	180,732
9	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx50 mm2	m	212,951	234,246
10	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx70 mm2	m	301,977	332,175
11	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx95 mm2	m	421,785	463,964
12	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx120 mm2	m	532,150	585,365
13	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx150 mm2	m	652,506	717,757
14	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx185 mm2	m	809,749	890,724
15	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx240 mm2	m	1,057,789	1,163,568
16	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx300 mm2	m	1,323,822	1,456,204
17	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 2Cx400 mm2	m	1,679,451	1,847,396

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
ISO 14001:2004

CÁP BỌC 2 LỚP PVC/ CVV TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 3 lõi/ 3 Core				
1	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx1.5 mm2	m	16,614	18,275
2	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx2.5 mm2	m	22,821	25,103
3	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx4 mm2	m	34,241	37,665
4	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx6 mm2	m	47,264	51,990
5	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx10 mm2	m	75,554	83,109
6	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx16 mm2	m	113,832	125,215
7	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx25 mm2	m	174,970	192,467
8	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx35 mm2	m	238,376	262,214
9	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx50 mm2	m	310,716	341,788
10	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx70 mm2	m	442,409	486,650
11	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx95 mm2	m	619,336	681,270
12	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx120 mm2	m	773,652	851,017
13	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx150 mm2	m	956,196	1,051,816
14	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx185 mm2	m	1,189,170	1,308,087
15	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx240 mm2	m	1,553,797	1,709,177
16	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx300 mm2	m	1,949,265	2,144,192
17	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 3Cx400 mm2	m	2,468,274	2,715,101

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to **IEC** and suitable to **TCVN** standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as **the Customer's request**.*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
 ISO 14001:2004

CÁP BỌC 2 LỚP PVC/ CVV TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 4 lõi/ 4 Core				
1	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx1.5 mm2	m	20,475	22,523
2	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx2.5 mm2	m	28,877	31,765
3	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx4 mm2	m	43,541	47,895
4	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx6 mm2	m	60,781	66,859
5	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx10 mm2	m	98,313	108,144
6	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx16 mm2	m	149,560	164,516
7	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx25 mm2	m	231,314	254,445
8	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx35 mm2	m	313,398	344,738
9	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx50 mm2	m	412,090	453,299
10	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx70 mm2	m	586,229	644,852
11	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx95 mm2	m	818,789	900,668
12	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx120 mm2	m	1,029,468	1,132,415
13	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx150 mm2	m	1,266,945	1,393,640
14	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx185 mm2	m	1,572,196	1,729,416
15	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx240 mm2	m	2,056,207	2,261,828
16	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx300 mm2	m	2,579,459	2,837,405
17	0.6/1kV Cu/PVC/PVC 4Cx400 mm2	m	3,276,658	3,604,324

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC
Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785
Website: www.taihancable.com.vn

**CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA****TAIHAN CABLE VINA CO., LTD**

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
 ISO 14001:2004

CÁP BỌC XLPE / XLPE TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 1 lõi/ 1 Core				
1	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx1.5 mm2	m	6,835	7,519
2	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx2.5 mm2	m	8,849	9,734
3	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx4 mm2	m	12,119	13,331
4	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx6 mm2	m	16,358	17,994
5	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx10 mm2	m	25,611	28,172
6	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx16 mm2	m	37,832	41,615
7	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx25 mm2	m	57,636	63,400
8	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx35 mm2	m	78,067	85,874
9	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx50 mm2	m	101,613	111,774
10	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx70 mm2	m	144,562	159,018
11	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx95 mm2	m	199,932	219,925
12	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx120 mm2	m	250,482	275,530
13	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx150 mm2	m	308,982	339,880
14	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx185 mm2	m	383,940	422,334
15	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx240 mm2	m	501,622	551,784
16	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx300 mm2	m	631,139	694,253
17	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1Cx400 mm2	m	803,385	883,724

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn

**CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA****TAIHAN CABLE VINA CO., LTD**

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - Fax: (+84). 8. 35140510 - Website: www.taihancable.com.vn

**CÁP BỌC XLPE / XLPE TYPE**

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 2 lõi/ 2 Core				
1	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx1.5 mm2	m	12,728	14,001
2	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx2.5 mm2	m	16,958	18,654
3	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx4 mm2	m	23,767	26,144
4	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx6 mm2	m	32,766	36,043
5	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx10 mm2	m	52,203	57,423
6	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx16 mm2	m	77,368	85,105
7	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx25 mm2	m	119,047	130,952
8	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx35 mm2	m	161,894	178,083
9	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx50 mm2	m	210,675	231,743
10	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx70 mm2	m	300,527	330,580
11	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx95 mm2	m	417,925	459,718
12	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx120 mm2	m	523,531	575,884
13	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx150 mm2	m	641,902	706,092
14	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx185 mm2	m	801,887	882,076
15	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx240 mm2	m	1,047,125	1,151,838
16	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx300 mm2	m	1,316,367	1,448,004
17	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 2Cx400 mm2	m	1,671,749	1,838,924

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785**Website:** www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
ISO 14001:2004

CÁP BỌC XLPE / XLPE TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 3 lõi/ 3 Core				
1	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx1.5 mm2	m	16,433	18,076
2	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx2.5 mm2	m	22,612	24,873
3	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx4 mm2	m	32,808	36,089
4	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx6 mm2	m	46,142	50,756
5	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx10 mm2	m	74,262	81,688
6	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx16 mm2	m	111,492	122,641
7	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx25 mm2	m	173,114	190,425
8	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx35 mm2	m	236,290	259,919
9	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx50 mm2	m	307,725	338,498
10	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx70 mm2	m	442,593	486,852
11	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx95 mm2	m	612,123	673,335
12	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx120 mm2	m	768,609	845,470
13	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx150 mm2	m	950,558	1,045,614
14	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx185 mm2	m	1,182,739	1,301,013
15	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx240 mm2	m	1,544,414	1,698,855
16	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx300 mm2	m	1,937,132	2,130,845
17	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 3Cx400 mm2	m	2,468,461	2,715,307

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to **IEC** and suitable to **TCVN** standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as **the Customer's request**.*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP BỌC XLPE/ XLPE TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 4 lõi/ 4 Core				
1	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx1.5 mm2	m	20,298	22,328
2	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx2.5 mm2	m	28,670	31,537
3	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx4 mm2	m	42,284	46,512
4	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx6 mm2	m	59,387	65,326
5	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx10 mm2	m	96,693	106,362
6	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx16 mm2	m	146,960	161,656
7	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx25 mm2	m	228,119	250,931
8	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx35 mm2	m	310,725	341,798
9	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx50 mm2	m	406,199	446,819
10	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx70 mm2	m	583,811	642,192
11	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx95 mm2	m	810,160	891,176
12	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx120 mm2	m	1,023,090	1,125,399
13	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx150 mm2	m	1,259,655	1,385,621
14	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx185 mm2	m	1,564,785	1,721,264
15	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx240 mm2	m	2,044,874	2,249,361
16	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx300 mm2	m	2,570,710	2,827,781
17	0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4Cx400 mm2	m	3,276,658	3,604,324

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC
Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785
Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP BỌC XLPE / XLPE TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 4 lõi/ 4 Core				
1	0.6/1kV CXV 4C(3Cx4+1Cx2.5) mm2	m	38,491	42,340
2	0.6/1kV CXV 4C(3Cx6+1Cx4) mm2	m	55,024	60,526
3	0.6/1kV CXV 4C(3Cx10+1Cx6) mm2	m	87,245	95,970
4	0.6/1kV CXV 4C(3Cx16+1Cx10) mm2	m	134,465	147,912
5	0.6/1kV CXV 4C(3Cx25+1Cx16) mm2	m	207,235	227,959
6	0.6/1kV CXV 4C(3Cx35+1Cx16) mm2	m	270,126	297,139
7	0.6/1kV CXV 4C(3Cx35+1Cx25) mm2	m	290,091	319,100
8	0.6/1kV CXV 4C(3Cx50+1Cx25) mm2	m	361,362	397,498
9	0.6/1kV CXV 4C(3Cx50+1Cx35) mm2	m	381,821	420,003
10	0.6/1kV CXV 4C(3Cx70+1Cx35) mm2	m	516,095	567,705
11	0.6/1kV CXV 4C(3Cx70+1Cx50) mm2	m	540,529	594,582
12	0.6/1kV CXV 4C(3Cx95+1Cx50) mm2	m	711,421	782,563
13	0.6/1kV CXV 4C(3Cx95+1Cx70) mm2	m	754,565	830,022
14	0.6/1kV CXV 4C(3Cx120+1Cx70) mm2	m	908,839	999,723
15	0.6/1kV CXV 4C(3Cx120+1Cx95) mm2	m	971,018	1,068,120
16	0.6/1kV CXV 4C(3Cx150+1Cx70) mm2	m	1,089,512	1,198,463
17	0.6/1kV CXV 4C(3Cx150+1Cx95) mm2	m	1,146,322	1,260,954
18	0.6/1kV CXV 4C(3Cx185+1Cx95) mm2	m	1,377,228	1,514,951
19	0.6/1kV CXV 4C(3Cx185+1Cx120) mm2	m	1,428,551	1,571,406
20	0.6/1kV CXV 4C(3Cx240+1Cx120) mm2	m	1,788,565	1,967,422
21	0.6/1kV CXV 4C(3Cx240+1Cx150) mm2	m	1,849,021	2,033,923
22	0.6/1kV CXV 4C(3Cx240+1Cx185) mm2	m	1,926,513	2,119,164
23	0.6/1kV CXV 4C(3Cx300+1Cx150) mm2	m	2,238,954	2,462,849
24	0.6/1kV CXV 4C(3Cx300+1Cx185) mm2	m	2,314,531	2,545,984

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**. / *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP BỌC XLPE CÓ GIÁP BẢO VỆ/ ARMORED TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chứa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 1 lõi/ 1 Core				
1	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx25 mm2	m	70,952	78,047
2	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx35 mm2	m	92,264	101,490
3	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx50 mm2	m	116,587	128,246
4	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx70 mm2	m	161,809	177,990
5	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx95 mm2	m	220,228	242,251
6	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx120 mm2	m	272,523	299,775
7	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx150 mm2	m	332,179	365,397
8	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx185 mm2	m	408,791	449,670
9	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx240 mm2	m	530,099	583,109
10	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx300 mm2	m	661,782	727,960
11	0.6/1kV CXV/DATA 1Cx400 mm2	m	840,819	924,901

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC
Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785
Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



ISO 9001:2008
ISO 14001:2004

CÁP BỌC XLPE CÓ GIÁP BẢO VỆ/ ARMORED TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 2 lõi/ 2 Core				
1	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx4 mm2	m	30,535	33,589
2	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx6 mm2	m	39,822	43,804
3	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx10 mm2	m	59,628	65,591
4	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx16 mm2	m	86,501	95,151
5	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx25 mm2	m	129,348	142,283
6	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx35 mm2	m	172,764	190,040
7	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx50 mm2	m	222,232	244,455
8	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx70 mm2	m	316,312	347,943
9	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx95 mm2	m	437,436	481,180
10	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx120 mm2	m	553,696	609,066
11	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx150 mm2	m	681,701	749,871
12	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx185 mm2	m	844,273	928,700
13	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx240 mm2	m	1,095,816	1,205,398
14	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx300 mm2	m	1,368,650	1,505,515
15	0.6/1kV CXV/DSTA 2Cx400 mm2	m	1,729,048	1,901,953

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại /Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn

**CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA****TAIHAN CABLE VINA CO., LTD****Nhà máy:** Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**Vp. HCM:** Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM**Tel:** (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn**CÁP BỌC XLPE CÓ GIÁP BẢO VỆ/ ARMORED TYPE**

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 3 lõi/ 3 Core				
1	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx4 mm2	m	39,604	43,564
2	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx6 mm2	m	53,060	58,366
3	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx10 mm2	m	82,064	90,270
4	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx16 mm2	m	121,748	133,923
5	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx25 mm2	m	184,370	202,807
6	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx35 mm2	m	247,732	272,505
7	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx50 mm2	m	320,347	352,382
8	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx70 mm2	m	458,254	504,079
9	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx95 mm2	m	642,708	706,979
10	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx120 mm2	m	807,113	887,824
11	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx150 mm2	m	991,042	1,090,146
12	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx185 mm2	m	1,226,915	1,349,607
13	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx240 mm2	m	1,596,601	1,756,261
14	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx300 mm2	m	1,995,989	2,195,588
15	0.6/1kV CXV/DSTA 3Cx400 mm2	m	2,537,312	2,791,043

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785**Website:** www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP BỌC XLPE CÓ GIÁP BẢO VỆ/ ARMORED TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 4 lõi/ 4 Core				
1	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx4 mm2	m	49,058	53,964
2	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx6 mm2	m	66,754	73,429
3	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx10 mm2	m	106,014	116,615
4	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx16 mm2	m	157,003	172,703
5	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx25 mm2	m	240,191	264,210
6	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx35 mm2	m	324,794	357,273
7	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx50 mm2	m	421,608	463,769
8	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx70 mm2	m	612,110	673,321
9	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx95 mm2	m	848,061	932,867
10	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx120 mm2	m	1,063,105	1,169,416
11	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx150 mm2	m	1,303,670	1,434,037
12	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx185 mm2	m	1,613,232	1,774,555
13	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx240 mm2	m	2,100,227	2,310,250
14	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx300 mm2	m	2,631,976	2,895,174
15	0.6/1kV CXV/DSTA 4Cx400 mm2	m	3,356,755	3,692,431

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC
Điện thoại/Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785
Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP BỌC XLPE CÓ GIÁP BẢO VỆ / ARMORED TYPE

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 4 lõi/ 4 Core				
1	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx4+1Cx2.5) mm2	m	45,331	49,864
2	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx6+1Cx4) mm2	m	62,022	68,224
3	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx10+1Cx6) mm2	m	95,931	105,524
4	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx16+1Cx10) mm2	m	144,024	158,426
5	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx25+1Cx16) mm2	m	218,625	240,488
6	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx35+1Cx16) mm2	m	282,216	310,438
7	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx35+1Cx25) mm2	m	302,599	332,859
8	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx50+1Cx25) mm2	m	376,986	414,685
9	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx50+1Cx35) mm2	m	397,731	437,504
10	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx70+1Cx35) mm2	m	535,119	588,631
11	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx70+1Cx50) mm2	m	560,569	616,626
12	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx95+1Cx50) mm2	m	743,220	817,542
13	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx95+1Cx70) mm2	m	791,803	870,983
14	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx120+1Cx70) mm2	m	949,365	1,044,302
15	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx120+1Cx95) mm2	m	1,006,091	1,106,700
16	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx150+1Cx70) mm2	m	1,132,427	1,245,670
17	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx150+1Cx95) mm2	m	1,188,581	1,307,439
18	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx185+1Cx95) mm2	m	1,422,584	1,564,842
19	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx185+1Cx120) mm2	m	1,477,753	1,625,528
20	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx240+1Cx120) mm2	m	1,842,706	2,026,977
21	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx240+1Cx150) mm2	m	1,903,793	2,094,172
22	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx240+1Cx185) mm2	m	1,980,652	2,178,717
23	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx300+1Cx150) mm2	m	2,311,145	2,542,260
24	0.6/1kV CXV/DSTA (3Cx300+1Cx185) mm2	m	2,387,602	2,626,362

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**. / *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP TRUNG THỂ 24KV/ MEDIUM VOLTAGE CABLE 24KV

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 1 lõi/ 1 Core				
1	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx35 mm2	m	117,381	129,119
2	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx50 mm2	m	147,269	161,996
3	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx70 mm2	m	193,669	213,036
4	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx95 mm2	m	251,563	276,719
5	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx120 mm2	m	305,765	336,342
6	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx150 mm2	m	367,642	404,406
7	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx185 mm2	m	445,867	490,454
8	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx240 mm2	m	574,171	631,588
9	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx300 mm2	m	705,591	776,150
10	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx400 mm2	m	894,122	983,534
11	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx500 mm2	m	1,130,819	1,243,901

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP TRUNG THỂ 24KV/ MEDIUM VOLTAGE CABLE 24KV

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 3 lõi/ 3 Core				
1	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx35 mm2	m	371,213	408,334
2	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx50 mm2	m	463,392	509,731
3	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx70 mm2	m	607,633	668,396
4	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx95 mm2	m	788,115	866,927
5	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx120 mm2	m	957,116	1,052,828
6	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx150 mm2	m	1,141,989	1,256,188
7	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx185 mm2	m	1,383,925	1,522,318
8	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx240 mm2	m	1,763,004	1,939,304
9	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx300 mm2	m	2,166,049	2,382,654
10	12.7/22(24)kV Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx400 mm2	m	2,737,785	3,011,564

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại/Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP TRUNG THỂ 24KV/ MEDIUM VOLTAGE CABLE 24KV

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 1 lõi/ 1 Core				
1	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx35 mm2	m	145,082	159,590
2	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx50 mm2	m	174,883	192,371
3	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx70 mm2	m	224,750	247,225
4	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx95 mm2	m	283,936	312,330
5	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx120 mm2	m	341,449	375,594
6	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx150 mm2	m	403,816	444,198
7	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx185 mm2	m	488,771	537,648
8	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx240 mm2	m	619,197	681,117
9	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx300 mm2	m	753,929	829,322
10	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx400 mm2	m	949,337	1,044,271
11	12.7/22(24)kV CXV/DATA 1Cx500 mm2	m	1,185,961	1,304,557

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Tòa nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại / Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785

Website: www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP TRUNG THỂ 24KV/ MEDIUM VOLTAGE CABLE 24KV

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chứa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 3 lõi/ 3 Core				
1	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx35 mm2	m	418,225	460,048
2	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx50 mm2	m	510,565	561,622
3	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx70 mm2	m	660,756	726,832
4	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx95 mm2	m	844,499	928,949
5	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx120 mm2	m	1,014,778	1,116,256
6	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx150 mm2	m	1,209,987	1,330,986
7	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx185 mm2	m	1,465,307	1,611,838
8	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx240 mm2	m	1,884,826	2,073,309
9	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx300 mm2	m	2,301,850	2,532,035
10	12.7/22(24)kV CXV/DSTA 3Cx400 mm2	m	2,886,992	3,175,691

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC
Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785
Website: www.taihancable.com.vn

**CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA****TAIHAN CABLE VINA CO., LTD****Nhà máy:** Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**Vp. HCM:** Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM**Tel:** (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn

CÁP TRUNG THỂ 24KV/ MEDIUM VOLTAGE CABLE 24KV

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 1 lõi/ 1 Core				
1	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx35 mm2	m	162,665	178,932
2	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx50 mm2	m	194,228	213,651
3	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx70 mm2	m	244,376	268,814
4	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx95 mm2	m	313,163	344,479
5	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx120 mm2	m	370,935	408,029
6	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx150 mm2	m	434,243	477,667
7	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx185 mm2	m	517,471	569,218
8	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx240 mm2	m	647,802	712,582
9	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx300 mm2	m	803,419	883,761
10	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx400 mm2	m	999,050	1,098,955
11	12.7/22(24)kV CXV/AWA 1Cx500 mm2	m	1,241,664	1,365,830

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM

2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC

Điện thoại / Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785**Website:** www.taihancable.com.vn



CÔNG TY TNHH CÁP TAIHAN VINA

TAIHAN CABLE VINA CO., LTD

Nhà máy: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Vp. HCM: Tầng 2, Tòa nhà Đại Phúc, 617 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Tel: (+84). 8. 35180786 - **Fax:** (+84). 8. 35140510 - **Website:** www.taihancable.com.vn



CÁP TRUNG THỂ 24KV/ MEDIUM VOLTAGE CABLE 24KV

Công ty TNHH Cáp TAIHAN VINA rất hân hạnh gửi tới Quý Công ty Bảng báo giá theo yêu cầu của quý công ty như sau:

Taihan Cable Vina company Limited would like to submit our best offer to you as per your inquiry including the following items:

No.: STT	Specifications Đặc tính kỹ thuật	Unit Đ.vị	Unit price Đơn giá	
			Ex-VAT Chưa Thuế GTGT	VAT (10 %)
Cáp 3 lõi/ 3 Core				
1	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx35 mm2	m	480,126	528,139
2	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx50 mm2	m	573,502	630,852
3	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx70 mm2	m	725,088	797,597
4	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx95 mm2	m	917,528	1,009,281
5	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx120 mm2	m	1,122,955	1,235,251
6	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx150 mm2	m	1,316,594	1,448,253
7	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx185 mm2	m	1,571,879	1,729,067
8	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx240 mm2	m	1,977,437	2,175,181
9	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx300 mm2	m	2,459,617	2,705,579
10	12.7/22(24)kV CXV/SWA 3Cx400 mm2	m	3,140,450	3,454,495

1. Chất lượng hàng hoá Sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC**, phù hợp theo tiêu chuẩn **TCVN**./ *Quality of products: Applied to IEC and suitable to TCVN standards.*

2. Ngoài những đặc tính kỹ thuật ở trên, Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng./ *In addition to the specifications above, we are able to manufacture the products under other structures as the Customer's request..*

Nhà máy/ Factory:

Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 Street 8, Long Thanh Industrial Zone, Tam An commune, Dong Nai province.

Văn phòng HCM/ Hồ Chí Minh Office:

Lầu 2 - Toà nhà Đại Phúc, 617-621 Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. HCM
 2F, Dai Phuc Tower, 617-621 Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC
Điện thoại/ Tel.: +84.8.3518 0786 | **Fax:** +84.8.3518 0785
Website: www.taihancable.com.vn